

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày 04-9-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thơm.

2. Bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hữu Ái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/9/2020 tại Phòng xử án Dân sự Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-DS ngày 22/5/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-DS ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Kim C

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh L

Địa chỉ: Số V đường Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và tại Đơn trình bày quan điểm, đề nghị của nguyên đơn ngày 31/8/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh L trình bày: Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 23/11/2008 bà Nguyễn Kim C có cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B vay số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để làm ăn; hai bên viết Giấy mượn tiền hẹn đến 25/4/2019 sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ, bà C đã đòi nhiều lần nhưng ông T, bà B không trả được nợ. Đến ngày 25/10/2019 ông T, bà B đã tự nguyện thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 được

UBND huyện C cấp ngày 12/6/2018, số thửa 245,257, tờ bản đồ số 7 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B cho bà C để làm tin. Mặc dù bà C đã đòi nhiều lần nhưng đến thời điểm hiện tại ông T, bà B vẫn chưa trả cho bà C được đồng nào. Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả lại số tiền đã mượn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Để đảm bảo quyền lợi cho bà C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả lại cho bà Phạm Kim C 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Về việc bà C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 của ông T, bà B là chưa hợp pháp vì chưa được đăng ký đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên nguyên đơn đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 cho ông T, bà B.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, trong thông báo nêu rõ việc bà C khởi kiện đòi bà ông T, bà B trả số tiền 450.000.000đ và nhiều lần gửi, giao giấy triệu tập, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không hòa giải được.

Ngày 27/7/2020 Tòa đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa mở vào ngày 17/8/2020, ông T, bà B vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày 04/9/2020 bị đơn vẫn vắng mặt. Toàn bộ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đều được tổng đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 02, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông T, bà B là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Phạm Kim C số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); buộc bà C phải trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 được UBND huyện C cấp ngày 12/6/2018 cho ông T, bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Kim C khởi kiện yêu cầu ông T, bà B có địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông trả số tiền 450.000.000 đồng đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 22/5/2020, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được giải quyết trong hạn luật định.

[2]. Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa bà C với ông T, bà B là hoàn toàn có thật, điều đó được thể hiện qua Giấy mượn tiền ngày 23/11/2018 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ bản gốc có chữ ký của ông T, bà B. Xét hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà C với ông T, bà B bằng Giấy mượn tiền ngày 23/11/2018 có nội dung vay số tiền 450.000.000đ, không tính lãi, thời hạn trả nợ 25/4/2019; xét nội dung của hợp đồng: thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tại Điều 463 BLDS 2015 quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”

Đến thời hạn trả nợ nhưng ông Thái, bà Bưởi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông Thái, bà Bưởi đã vi phạm thời hạn trả nợ.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông T, bà B vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện việc ông T, bà B đã biết việc bà C khởi kiện nhưng vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện việc ông T, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ và tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, ông T, bà B phải chịu hậu quả về việc không chứng minh để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng biện pháp thế chấp tài sản phải tuân thủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể:

“Điều 117. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.”

Khoản 2 Điều 119 của bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hình thức giao dịch dân sự, cụ thể:

“Điều 119. Hình thức giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.”

Điều kiện để giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 188 luật đất đai năm 2013 như sau:

“ Điều 188. Điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất

1.

3. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.”

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở: buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Phạm Kim C số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Việc ông T, bà B thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 được UBND huyện C cấp ngày 12/6/2018 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B cho bà C là tự nguyện; tuy nhiên bà C không phải là chủ thể được pháp luật cho phép nhận thế chấp đối với quyền sử dụng đất; việc nhận thế chấp không tuân thủ các

điều kiện giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất nên việc thỏa thuận thế chấp Giấy chứng nhận của bà C với ông T, bà B đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 là không hợp pháp; HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà C, bà C cần trả lại cho ông T, bà B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CN 295759 được UBND huyện C cấp ngày 12/6/2018 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B

[2]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là: 20.000.000 đồng + 4% phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng, cụ thể: 20.000.000đ + (4% x 50.000.000 đồng) = 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000729 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim C.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả bà Phạm Kim C số tiền gốc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Phạm Kim C có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Buộc bà Phạm Kim C phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 295759 được UBND huyện C cấp ngày 12/6/2018 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Thái và bà Nguyễn Thị Bưởi phải nộp 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Phạm Kim C số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai 0000729 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lộc Thị Vinh